

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/03/2023

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:322/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Quyết Tiến, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/09/2022; bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh Ngô Văn N kết hôn với nhau ngày 11/03/2014 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh N làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh N. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, không chịu làm ăn. Đã nhiều lần chị trả nợ cho anh N và cho cơ hội nhưng anh N không thay đổi. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2017 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ

chồng chính thức ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và N không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N chưa có con chung

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhiều lần, gia đình anh N xác định anh N đã biết việc chị T yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn với chị T nhưng do công việc bận nên anh không lên tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản, ý kiến của mình lên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Ngô Văn N

Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Vũ Thị T xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 **Bộ luật tố tụng dân sự**. anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh N tại phiên tòa nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự N, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa số 12 ngày 11/03/2014 được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị T và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, không chịu làm ăn nên tình cảm vợ chồng không còn. Anh N đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không gửi ý kiến, vẫn bản đến Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh và địa phương đều xác định anh N đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng anh N, chị T đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng không có phương án để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh N theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh N không có con chung

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*:chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

Về án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008437 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Hương Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Oanh

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hương Lan

